TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HS-ST
Ngày 12 tháng 6 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cao Trí và ông Nguyễn Ngọc Bờ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Văn Thạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2025/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Võ Thành N, sinh ngày 22/4/1996, tại huyện P, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp V, xã T, huyện P, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật giáo H; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Võ Thành P, sinh năm 1975 và bà Biện Thị Á, sinh năm 1976; anh, em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ nhất; vợ: Mai Thị Bé T, sinh năm 1999 (đã ly hôn); con: Võ Phước T1, sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 15/02/2025 cho đến nay, tại Phân Trại tạm giam khu vực huyện C, tỉnh An Giang; (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Võ Thành N: Ông Huỳnh Tấn D, là Luật sư của Công ty trách nhiệm hữu hạn K, chi nhánh P2, tỉnh Kiên Giang, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Địa chỉ: Số B, tầng A, đường N, khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ liên hệ: Số B, đường N, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; (có mặt).

- Bị hại: Ông Nguyễn Đức P1, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

1. Ông Nguyễn Bảo C, sinh năm 1980; nơi đăng ký thường trú: 105, T, T,

T, Hà Nội; nơi ở hiện nay: A T, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

2. Ông Dương Nhựt T2, sinh năm 1993; nơi cư trú: Khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

3. Bà Biện Thị Á, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ A, ấp V, xã T, huyện P, tỉnh An Giang; (có mặt).

- Người làm chứng: Ông Hà Minh D1, sinh năm 1994; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 07/9/2024, Võ Thành N điện thoại cho Nguyễn Đức P1 thuê xe ô tô biển số 67A-125.72 để chở khách đi từ huyện P đến Thành phố Hồ Chí Minh về trong ngày, với giá 500.000 đồng/ngày, do tin tưởng nên P1 không làm hợp đồng, mà chỉ thỏa thuận miệng và giao xe, giấy tờ cho N. Sau khi nhận được xe, Nam điều khiển chở khách đến Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, do không có tiền tiêu xài, nên N nảy sinh ý định mang xe ô tô của P1 cầm cố lấy tiền, N mang xe đến tiệm cầm đồ "Bảo Tín" trên đường T, thuộc Phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh do Nguyễn Bảo C làm chủ cầm với giá 112.000.000 đồng, lấy tiền tiêu xài và lẫn trốn. P1 không thấy N trả xe như thỏa thuận nên đến Công an xã B, huyện C trình báo, yêu cầu xử lý hình sự đối với N.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 36/KL.HĐĐGTS ngày 11/10/2024 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, kết luận:

Xe ô tô biển kiểm soát 67A-125.72, số khung: W1DAKN041960, số máy: G4LAKM365824, nhãn hiệu GRANDi10, loại xe ô tô con, hãng sản xuất: HYUNDAI, năm sản xuất 2019, màu sơn trắng, trị giá 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Lời khai của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Đức P1 trình bày: Xe ô tô biển số 67A-125.72 là của P1 mua lại của ông Dương Nhật T3, cư ngụ ở khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang nhưng chưa làm thủ tục sang tên chủ sở hữu. Ngày 07/9/2024 N có điện thoại thuê xe của P1 để ngày 08/9/2024 chở khách đi Thành phố Hồ Chí Minh, đi và về trong ngày, thoả thuận thuê với giá 500.000 đồng/ngày, chi phí nhiên liệu do bên thuê chịu. Đến ngày 09/9/2024 không liên lạc được với N nên P1 có đến Công an xã B, huyện C trình báo sự, đồng thời có đến nhà tìm nhưng không gặp N mà chỉ gặp bà Á là mẹ của N. Khoảng 01 tháng sau bà Á có điện thoại cho P1 hay là N có điện thoại cho biết là N đã đem xe của P1 đi bán ở tiệm C1 với giá 112.000.000 đồng. Hiện P1 đã nhận lại xe ô tô biển số 67A-125.72 và được Biện Thị Á (là mẹ của N) bồi thường chi phí tìm xe, mất thu nhập với số tiền 15.000.000 đồng. Nay P1 không yêu cầu bồi thường thêm.

- Ông Nguyễn Bảo C trình bày phù hợp với nội dung vụ án. Chân không biết xe ô tô biển số 67A-125.72 do N cầm là tài sản phạm tội mà có. Hiện C đã giao nộp lại xe ô tô biển số 67A-125.72 cho Cơ quan điều tra và bà Biện Thị Á là mẹ của N đã trả lại cho C số tiền 112.000.000 đồng. Nay Chân không yêu cầu xử lý hình sự đối với N.

- Ông Dương Nhật T3 trình bày: Vào năm 2019 T3 có mua và đứng tên chủ sở hữu 01 xe ô tô biển số 67A-125.72, loại xe ô tô con, nhãn hiệu GRANDi10, hãng sản xuất: HYUNDAI. Đến năm 2022 T3 bán xe này cho Nguyễn Đức P1 với giá 200.000.000 đồng, có đến Văn phòng C2 làm hợp đồng mua bán, T3 đã giao xe và toàn bộ giấy tờ liên quan đến xe cho P1 quản lý. Nay T3 không có yêu cầu gì khác.

- Bà Biện Thị Á trình bày: Ngày 07/9/2024 N có hỏi xin của bà 100.000 đồng và nói đến nhà của P1 lái xe chở khách đi Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 02 ngày sau thì P1 có đến nhà bà, cùng đi với P1 còn có 01 người nam tên D1, khi đó P1 cho biết N thuê xe của P1 đi Thành phố Hồ Chí Minh nhưng hiện không điện thoại liên lạc được, xe cũng đã bị cắt định vị, P1 yêu cầu bà điện thoại cho N, bà có điện thoại cho N nhưng cũng không liên lạc được. Khoảng gần 01 tháng sau, N sử dụng số điện thoại khác điện thoại cho bà biết N đang ở Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không cho biết địa chỉ cụ thể, N đã đem xe của P1 đến tiệm C1 ở đường T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bán với giá 112.000.000 đồng, N sẽ gửi tiền về cho bà để chuộc lại xe cho P1, sau đó bà có thông báo cho P1 biết. Hiện bà đã thoả thuận bồi thường cho C và P1 xong.

- Người làm chứng Hà Minh D1 trình bày phù hợp với nội dung vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, bị can Võ Thành N khai báo thành khẩn, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp nội dung vụ án, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng, người liên quan, kết luận định giá, các tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh A thu giữ: 01 xe ôtô và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 67A-125.72 mang tên Dương Nhật T3 (đã trao trả cho Nguyễn Đức P1 theo biên bản ngày 22/10/2024).

Tại Bản cáo trạng số 28/CT-VKS.CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Võ Thành N về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi tắt là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa:

Bị cáo Võ Thành N nhận có thực hiện hành vi đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo cho rằng sau khi cầm xe, bị cáo chỉ sử dụng một khoản tiền nhỏ để tiêu xài, số còn lại vẫn còn trong tài khoản ATM của bị cáo,

sau đó đi làm thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh với mục đích có tiền để bồi thường cho ông P1. Bị cáo không có ý kiến tranh luận, chỉ trình bày hiện đã ăn năn hối cải, xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bà Biện Thị Á trình bày: Đối với số tiền bồi thường cho ông C 112.000.000 đồng và bồi thường cho ông P1 15.000.000 đồng có một phần nhỏ là tiền của bà, phần còn lại tiền của N gửi về để bồi thường. Tuy nhiên, bà không yêu cầu N trả lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú thực hiện quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định như bản cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; Điều 38; điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Võ Thành N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

- Về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp: Không xem xét đến.

Trong phần tranh luận:

Luật sư Huỳnh Tấn D phát biểu quan điểm bào chữa cho các bị cáo Võ Thành N: Thống nhất với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo N; đề nghị hội đồng xét xử xem xét bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiết hại cho bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; bị cáo nhất thời phạm tội, bị cáo thuộc thành phần lao động có thu nhập thấp; đề nghị chỉ xử phạt bị cáo với mức án 06 tháng tù cũng đủ để răng đe đối với bị cáo.

Bị cáo Võ Thành N thống nhất với quan điểm bào chữa của của Luật sư D, không có ý kiến bổ sung.

Bà Biện Thị Á không phát biểu tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành

tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với bị hại, người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, những người này đã có lời khai tại cơ quan điều tra, sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại đến việc xét xử của Toà án. Căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung thì nhận thấy, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Võ Thành N đều khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Lời khai nhận của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, động cơ, mục đích phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập khách quan, đúng pháp luật. Do đó, hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

[3.1] Vào ngày 08/9/2024, bị cáo Võ Thành N sau khi thuê xe ô tô biển số 67A-125.72 của Nguyễn Đức P1 để chở khách đi từ huyện P, tỉnh An Giang đến Thành phố Hồ Chí Minh, do không có tiền tiêu xài, nên nảy sinh ý định mang xe ô tô của P1 trị giá 185.000.000 đồng đi cầm lấy tiền tiêu xài. Khi mang xe đi cầm cố, bị cáo N đã có hành vi gian dối để Nguyễn Bảo C là chủ cầm đồ Bảo T4 tin rằng xe ô tô biển số 67A-125.72 là của bị cáo N, nên C đã chấp nhận cầm xe với giá 112.000.000 đồng. Sau khi cầm xe, N lấy tiền tiêu xài và lẫn trốn.

[3.2] Hành vi trên đây của bị cáo Võ Thành N đã phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù.

[4] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì nhận thấy:

[4.1] Bị cáo N là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thực được tài sản của người khác giao cho bị cáo quản lý thông qua giao dịch thuê tài sản thì không được cầm cố hay sang bán. Tuy nhiên sau khi thuê xe của ông P1 chở khách đến Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo nảy sinh ý định đem xe đi cầm cố lấy tiền phục vụ nhu cầu cá nhân.

[4.2] Hành vi của bị cáo N thể hiện sự xem thường pháp luật, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo đã thực hiện để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về các tình tiết tăng năng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, nhận thấy:

[5.1] Bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2] Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiện án, tiền sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và họ đơn không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo; bị cáo thuộc thành phần lao động có thu nhập thấp, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình. Do đó, hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Qua lượng hình, hội đồng xét xử quyết định áp dụng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xét xử đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, xét bị cáo thuộc thành phần lao động có thu nhập thấp, không có nghề nghiệp ổn định, nên hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về các biện pháp tư pháp khác, xét thấy: Xe ô tô biển số 67A-125.72 có nguồn gốc là của ông Dương Nhật T3 đứng tên chủ sở hữu, ông T3 bán xe lại cho ông Nguyễn Đức P1 vào năm 2022 nhưng ông P1 chưa làm thủ tục đăng ký đứng tên chủ sở hữu xe. Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả xe cho ông P1, đồng thời bà Biện Thị Á là mẹ ruột của bị cáo, thay mặt cho bị cáo đã thoả thuận bồi thường cho ông P1 số tiền 15.000.000 đồng, bồi thường cho ông C số tiền 112.000.000 đồng. Nay không ai có yêu cầu gì khác nên không xem xét đến.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Võ Thành N phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; Điều 38; điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Võ Thành N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 15/02/2025.

2. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc Võ Thành N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo Võ Thành N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liện quan bà Biện Thị Á có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Bị cáo (1);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Châu Phú (1);
- Phân trại TG khu vực Châu Phú (2);
- Chi cục THADS huyện CP (2);
- Bộ phận THA Tòa án (2);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh AG (1);
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh AG (1);
- Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (4);
- Lưu hồ sơ vụ án (1);
- Lưu VT (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Sơn